

Thuốc long đàm

SP AMBROXOL

(Ambroxol hydroclorid 30 mg)

- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
- Để xa tầm tay trẻ em.

THÀNH PHẦN

- **Hoạt chất:** Ambroxol hydroclorid 30 mg
- **Tá dược:** Flowlac 100, Microcrystalline cellulose PH-102, Low-substituted hydroxypropyl cellulose, Sodium starch glycolate, Magnesium stearate.

DẠNG BÀO CHẾ: Viên nén

CHỈ ĐỊNH

- Các bệnh cấp và mạn tính ở đường hô hấp có kèm tăng tiết dịch phế quản không bình thường, đặc biệt trong đợt cấp của viêm phế quản mạn, hen phế quản.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG

Liều dùng

- Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi: 30 – 60 mg/lần, 2 lần/ngày.
- Trẻ em 5 – 10 tuổi: 15 – 30 mg/lần (1/2 viên – 1 viên), ngày 2 lần.

Cách dùng

Uống với nước sau khi ăn.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn với ambroxol hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Loét dạ dày tá tràng tiến triển.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Cần chú ý với người bị loét đường tiêu hóa và các trường hợp ho ra máu vì ambroxol có thể làm tan các cục đông fibrin và làm xuất huyết trở lại.
- Chỉ điều trị ambroxol một đợt ngắn, không đỡ phải thăm khám lại.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Chưa có dữ liệu nói đến tác dụng có hại khi dùng thuốc trong lúc mang thai. Cần thận trọng khi dùng thuốc trong 3 tháng đầu của thai kỳ.

Phụ nữ cho con bú

Chưa có thông tin về nồng độ của bromhexin cũng như ambroxol trong sữa.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có báo cáo.

TƯƠNG TÁC THUỐC

- Dùng ambroxol với kháng sinh (amoxicilin, cefuroxim, erythromycin, doxycyclin) làm tăng nồng độ kháng sinh trong nhu mô phổi.
- Không phối hợp với các thuốc chống ho (ví dụ codein) hoặc một thuốc làm khô đờm (ví dụ atropin): phối hợp không hợp lý.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

- Không sử dụng cùng lúc với:**
- Không phối hợp với các thuốc chống ho (ví dụ codein) hoặc một thuốc làm khô đờm (ví dụ atropin): phối hợp không hợp lý.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

- Thường gặp (ADR > 1/100): Tiêu hóa: tai biến nhẹ, chủ yếu sau khi tiêm như ợ nóng, khó tiêu, đôi khi buồn nôn, nôn.
- Ít gặp (1/1000 < ADR < 100): dị ứng, chủ yếu phát ban.
- Hiếm gặp (ADR < 1/ 1000): phản ứng kiểu phản vệ cấp tính, nặng, nhưng chưa chắc chắn là có liên quan đến ambroxol, miệng khô và tăng các transaminase.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc, kể cả các tác dụng phụ không được liệt kê trong tờ hướng dẫn này.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Chưa có báo cáo về dấu hiệu quá liều. Nếu xảy ra, cần ngưng thuốc và điều trị triệu chứng.

Phân nhóm dược lý: Thuốc long đờm

Mã ATC: R05CB06

DƯỢC LỰC HỌC

- Ambroxol là chất chuyển hóa của bromhexin, có tác dụng và công dụng tương tự như bromhexin. Ambroxol có tác dụng làm đờm lỏng hơn, ít quánh hơn nên dễ bị tống ra ngoài. Một vài tài liệu có nêu ambroxol cải thiện được triệu chứng và làm giảm số đợt cấp tính trong bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính nặng.
- Kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy ambroxol có tính chất kháng viêm và có hoạt tính của chất chống oxy hóa. Ngoài ra, ambroxol còn có tác dụng gây tê tại chỗ thông qua chẹn kênh natri ở màng tế bào. Ambroxol có thể kích thích tổng hợp và bài tiết chất điện hoạt phế nang. Thuốc đã được coi là một chất điện hoạt phế nang. Tuy vậy, thuốc không có hiệu quả khi dùng cho người mẹ để phòng hội chứng suy hô hấp ở trẻ sơ sinh, nhưng thuốc có hiệu quả khiếm tốn khi điều trị sớm cho trẻ nhỏ phát bệnh.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

- Ambroxol hấp thu nhanh sau khi uống, thuốc khuếch tán nhanh từ máu đến mô với nồng độ thuốc cao nhất trong phổi. Sinh khả dụng khoảng 70%. Nồng độ tối đa trong huyết tương đạt được trong vòng 0,5 – 3 giờ sau khi dùng thuốc. Với liều điều trị, thuốc liên kết với protein huyết tương xấp xỉ 90%. Nửa đời trong huyết tương từ 7 – 12 giờ. Ambroxol được chuyển hóa chủ yếu ở gan. Thuốc bài tiết qua thận khoảng 83%.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 10 vỉ x 10 viên

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Trong bao bì kín, ở nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

HẠN DÙNG CỦA THUỐC: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS

NHÀ SẢN XUẤT:



60GSM

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO

Nhà máy: Số 13, Đường 9A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Văn phòng: 29 Ba Vì, P. 4, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

ĐT: (028) 2225 0683 Fax: (028) 2225 0682 Email: shinpoong@spd.com.vn

11.2021NM